TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG NGUYÊN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-5-2018
V/v tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ph;

2. Bà Cao Việt Thương;

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Cao Trà My, cán bộ Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 27tháng 04 và ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 113/2016/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp "Tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Hồ Văn M, sinh năm: 1955; Địa chỉ cư trú tại: Xóm 7, xã HT, huyện HN, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Phạm Thế Huy văn phòng luật sư Vinh Diện và cộng sự thuộc đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1960; Trú tại: Xóm 7, xã HT, huyện HN, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn Giảng văn phòng luật sư Trọng Hải và cộng sự thuộc đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1950; Địa chỉ cư trú tại: số 48, ngõ 122,

đường Nguyễn Sinh Sắc, khối 11, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Chị Hồ Thị T, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.(Hiện nay, đang sinh sống tại Xóm 7, xã HT, huyện HN, tỉnh Nghệ An). Vắng mặt.

- Chị Hồ Thị N, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: xóm 2, xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Anh Hồ Văn T, sinh năm 1986, địa chỉ cư trú: theo lời khai của bà H và ông Mthì hiện nay, anh Hồ Văn T đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 1980, ông Hồ Văn M kết hôn với bà Lê Thị H. Quá trình chung sống vợ cH phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2003. Ngày 10 tháng 10 năm 2011 ông làm đơn yêu cầu được ly hôn bà H. Bà H đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hồ Thị N sinh năm 1981, Hồ Thị T sinh năm 1982, Hồ Văn T sinh năm 1986. Các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là một ngôi nhà 2 tầng trị giá 50.000.000 đồng trên diện tích đất 140 m^2 trị giá 300,000,000 đồng tại Xóm 7, xã HT, huyện HN, tỉnh Nghệ An. Năm 1997 mua đất bằng tiền tích góp được của hai vợ cH. Đến năm 2000 làm nhà trên thửa đất này hết tổng số tiền là 140,000,000 đồng. Tiền mặt khi đó có được là 70,000,000 đồng. Còn nợ số tiền làm nhà là 70,000,000 đồng. Nhưng hai vợ chồng khai không thống nhất đã trả xong khoản nợ này bằng nguồn tiền nào và cũng không ai đưa ra được chứng cứ nào hợp pháp để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Đến nay, khoản nợ này đã trả xong.

Phía nguyên đơn là ông Hồ Văn M yêu cầu chia đôi số tài sản chung của hai vợ cH nêu trên và như ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về tài sản chung tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2012/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2012 Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An đã tuyên. Ngoài ra, ông Mkhông yêu cầu chia bất kỳ một khoản tài sản nào khác.

Phía bị đơn là bà Lê Thị H không nhất trí về phần tài sản như thỏa thuận của hai vợ cH tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2012/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2012 Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An nêu trên mà yêu cầu chia tài sản chung của hai vợ chồng theo công sức đóng góp của

mỗi bên và có tính đến công sức đóng góp của các con trong khối tài sản chung của hai vợ chồng cụ thể như sau:

Về công sức đóng góp của mỗi bên: Bà cho rằng, từ trước tới nay ông Mkhông có nghề nghiệp gì có thu nhập dư ra để tích trữ đóng góp vào trong khối tài sản chung của vợ chồng. Kinh tế, con cái trong gia đình do một mình bà lo toan, gánh vác.

Về công sức đóng góp của các con: Bà cho rằng con chung là chị Hồ Thị T học xong cấp 3 năm 2001 có đi làm 08 năm có đóng góp vào cho gia đình 144,000,000 đồng + 120,000,000 đồng (BL 53).

Chị Hồ Thị N học xong cấp 3 năm 2001 đi làm đến năm 2008 thì lấy chồng có đóng góp vào cho gia đình số tiền 188,000,000 đồng (BL 53).

Anh Hồ Văn T học xong cấp 3 năm 2006 đến năm 2008 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc có gửi về cho bà vay để trả nợ số tiền 11,000, 000 USD.

Những khoản tiền này của các con bà đã chi tiêu cho việc học hành của các con, của ông Mại, mua sắm vật dụng trong gia đình, trang cấp thiết bị làm ảnh và trả nợ làm nhà. Những tài sản khác như là vật dụng, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình bà chỉ liệt kê cho ông M biết chứ bà không yêu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của bà H về tính công sức đóng góp của mỗi bên trong khối tài sản chung, ông M cho rằng: Tài sản trong gia đình là do hai vợ chồng tích góp được mà có. Từ khi lấy nhau cho đến nay ông vẫn đi làm rất nhiều nghề để kiếm sống như những người lao động khác. Nên ông không đồng ý.

Đối với yêu cầu của bà H về tính công sức đóng góp của các con trong khối tài sản chung, theo ông: các con chung không có đóng góp gì nhiều vào khối tài sản này. Vì tại thời điểm mua đất năm 1997 các con chung còn nhỏ, đang đi học, đến thời điểm làm nhà vào năm 2000, hai đứa lớn vừa tốt nghiệp lớp 12, đứa nhỏ nhất học lớp 7, sau đó thì học hành để kiếm công ăn việc làm nên không thể tính công sức đóng góp của các con.

Về nợ: Ông Mkhai vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ.

Bà H khai vợ chồng có các khoản vay nợ như sau:

Vay của bà Nguyễn Thị Ph 30,000,000 đồng vào tháng 08 năm 2007 để chi tiêu trong gia đình, nợ trước trả nợ sau nhưng bà không nói rõ ràng cụ thể khoản nợ nào.

Vay của công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quang Vinh 300,000,000 đồng để cho con gái Hồ Thị T đi xuất khẩu lao động và mua thiết bị nghề ảnh.

Đến ngày 19 tháng 6 năm 2017 bà H đã làm đơn rút yêu cầu đối với khoản nợ 300,000,000 đồng này.

Ngày 01 tháng 4 năm 2018 ông Võ Nguyên Giao là người đại diện của công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quang Vinh có văn bản trình bày: Ông không yêu cầu bà H trả cho ông khoản nợ này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì vậy, khi ly hôn bà H yêu cầu chia đôi khoản nợ vay của bà Nguyễn Thị Ph 30,000,000 đồng cho hai vợ chồng vì đây là khoản vay để chi tiêu cho gia đình trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Ngày 27 tháng 8 năm 2007 bà H có vay của bà số tiền 30,000,000 đồng để nâng cấp trang thiết bị làm ảnh, áo cưới. Khi vay, ông Mkhông biết và không có giấy viết tay. Đến nay, bà H chưa trả khoản nợ này. Bà yêu cầu cả ông M và bà H phải trả khoản nợ này cho bà.

Về án phí: Hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn là Bà Nguyễn Thị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về công sức đóng góp của mỗi bên và công sức đóng góp của các con trong khối tài sản chung của hai vợ chồng, bị đơn không đưa ra được chứng cứ cụ thể nào hợp pháp để chứng minh cho yêu cầu của bị đơn là có căn cứ nên Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Bị đơn.

Về khoản nợ của bà Nguyễn Thị Ph người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Giữa bà H và bà Ph khi vay không có giấy tờ, bà H và bà Ph không thống nhất thời điểm vay là tháng 01 hay tháng 8 năm 2007. Đến nay, bà H cũng không có chứng cứ nào để chứng minh cho khoản vay này là vay để làm việc gì cụ thể trong gia đình mà chỉ khai chung chung là để lo việc gia đình. Trong khi đó khoản tiền 30,000,000 vào thời điểm năm 2007 là một khoản tiền lớn nên yêu cầu này đề nghị Tòa không chấp nhận.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử khi tài sản chung của hai vợ cH phải tính đến các yếu tố sau cho bị đơn:

Thứ nhất: Hoàn cảnh của phía bà H sau khi ly hôn rất khó khăn vì không tiếp tục làm nghề thợ ảnh được nữa. Còn ông M thì có việc làm ổn định hơn.

Thứ hai: Công sức đóng góp của bà H trong khối tài sản chung lớn hơn ông Mại. Vì vào thời kỳ đó bà H có nghề làm ảnh ổn định và có thu nhập cao. Còn ông Mdo không có thu nhập cao nên đổi làm nhiều nghề khác nhau.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giải quyết đúng tranh chấp, do các bên không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chia đôi tài sản chung của vợ chồng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về chia tài sản chung và nợ chung. Buộc bị đơn phải chịu án chia tài sản và nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết qủa tranh tụng tại phiên tòa:

[1]. *Về áp dụng pháp luật tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình tranh chấp về "Chia tài sản chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyền của Tòa án.

Anh Hồ Văn T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Như vậy, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là trường hợp vụ án có đương sự ở nước ngoài thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án Giám đốc thẩm số 09/2016/HNGĐ-GĐT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao tuyên: giao hồ sơ vụ án cho tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm lại phần tài sản và khoản nợ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại tiểu mục 8 phần IV của Giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ số 01/2007/GĐ-TANDTC 25 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao.

[2]. *Về áp dụng pháp luật nội dung:* Đơn khởi kiện yêu cầu về ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn của ông Hồ Văn M đề ngày 10 tháng 10 năm 2011. Vì vậy, cần áp dụng luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Tại bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 06/2012/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2012 Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An đã xử cho ông M được ly hôn bà H. Sau khi bản án xử xong, các đương sự không ai kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về

quan hệ hôn nhân nên về phần này đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, tòa không xem xét.

[3] *Về tài sản chung:*

Phía bị đơn là bà Lê Thị H yêu cầu tính công sức đóng góp của mỗi bên trong khối tài sản chung của vợ chồng, Tòa xét thấy: Bà H và ông M kết hôn năm 1980. Khi đó, khi đó cả hai vợ chồng còn làm nghề Nông nhưng ông Mcòn làm thêm nghề khí và nghề mổ lợn, bà H buôn bán thêm phụ giúp gia đình. Năm 1988, bà H đi học thêm nghề làm ảnh và ổn định nghề này từ đó cho đến nay. Năm 1998 ông M chuyển sang làm nhiều nghề khác nhau. Năm 2003 đến năm 2005 ông M đi học nghề thú y, nhưng không hành nghề mà làm thợ xây và sửa xe..... Như vậy, từ khi kết hôn cho đến nay, tùy từng thời điểm, ông M và bà H mỗi người đều có một nghề để lao động kiếm thêm thu nhập. Tuy nhiên, bà H cho rằng vì bà làm nghề thợ Ảnh vào thời kỳ đó đang rất phát triển nên bà có thu nhập cao hơn ông Mại. Vì vậy,khi chia tài sản chung của vợ cH phải tính công sức của bà phần nhiều hơn nhưng bà không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh cho lời khai của bà là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu này của bà H không được Tòa án chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính công sức đóng góp của các con vào khối tài sản chung của vợ chồng, Tại phiên tòa, bà H cho rằng, do các con chung của hai vợ chồng không hợp tác nên bà cũng không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa nhưng bà vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đối với yêu cầu này Tòa xét thấy: Phía bà H không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa đã thu thập được các chứng cứ cụ thể như sau:

Đối với con gái Hồ Thị N: Hiện nay, chị Hồ Thị N đã đi lấy chồng, sinh con và cư trú tại xóm 2, xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Tòa án đã trực tiếp vào nhà lấy bản tự khai, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ cho chị Ngân 02 lần. Nhưng chị Ngân từ chối không nhận giấy triệu tập, và viết trong bản tự khai vào ngày 12 tháng 10 năm 2017 không có ý kiến, yêu cầu gì về công sức đóng góp của mình trong khối tài sản chung của bố mẹ (BL 76).

Đối với con gái Hồ Thị T: Hiện nay, chị Hồ Thị T đang có mặt tại nhà riêng của ông Mvà bà H. Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tòa án đã vào gặp mặt trực tiếp chị T để làm việc nhưng chị T có thái độ và lời nói không hợp tác. Chị T có nói rằng chị không liên quan gì đến việc của bố mẹ, chị không có yêu cầu hay ý kiến gì nên Tòa án không tiến hành làm việc được với chị T và có biên bản xác minh sự việc này kèm theo hồ sơ vụ án (BL 85).

Xét thấy, chị Hồ Thị T và Hồ Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không có yêu cầu độc lập. Bà H là người yêu cầu nhưng tự khai là không cung cấp được chứng cứ gì. Tại Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự và tại khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 quy định đây là trường hợp vợ cH có nghĩa vụ với người thứ ba mà người thứ ba không yêu cầu giải quyết, thì khi nào người thứ ba có yêu cầu, Tòa án sẽ hướng dẫn các đương sự để giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với anh Hồ Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do đương sự không cung cấp được địa chỉ cụ thể thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh địa chỉ mới của anh Tính nhưng ngày 27 tháng 11 năm 2017, tòa án có văn bản chính thức yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Tính. Cùng ngày, bà H có văn bản trả lời bà chỉ cung cấp được địa chỉ facebook và số điện thoại của anh Hồ Văn T chứ không có địa chỉ cụ thể của anh Tính bên Hàn Quốc. Vì vậy, trong trường hợp này Tòa án cũng không xác định được địa chỉ cụ thể của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp với hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 thánh 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên Tòa xét thấy yêu cầu của bà H về chia tài sản chung của vợ chồng theo công sức đóng góp của của mỗi bên và có tính đến công sức đóng góp của các con chung là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 Tòa án đã tiến hành Thẩm định tại chỗ thực trạng thửa đất, nhà, nơi ở của hai bên đương sự và chứng kiến việc các đương sự đã ổn định cuộc sống như ghi nhận tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 06/2012/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2012 Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An về thỏa thuận của các đương sự được đối với tài sản chung của hai vợ chồng là chia đôi nhà và đất. Vì vậy, Tòa xét thấy yêu cầu của ông Mlà có căn cứ nên được chấp nhận.

Trên thực tế, thửa đất 839 tờ bản đồ số 04 có diện tích 140 m^2 của hộ gia đình ông Hồ Văn M do UBND huyện Hưng Nguyên cấp ngày 26 tháng 9 năm 2000 hiện nay đã được cơi nới, sử dụng ổn định lâu dài không tranh chấp thêm phần diện tích là 102,6m^2 như bản trích đo do UBND xã Hưng Tân xác nhận tại ngày 17 tháng 4 năm 2018 có tại hồ sơ nên phần diện tích này tạm giao cho các bên đương sự sử dụng là hợp lý.

[5]. *Về nợ chung:*

Ngày 19 tháng 6 năm 2017 (BL 60) bà H đã làm đơn rút yêu cầu về khoản nợ của công ty Quang Vinh với số tiền 300,000,000 đồng. Vì vậy, Tòa chấp nhận rút đơn yêu cầu của bà H và đình chỉ yêu cầu là phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Đối với khoản nợ 30,000,000 đồng Tòa xét thấy: Bà H và bà Ph đều thừa nhận khoản vay này là vào năm 2007. Khi vay, giữa bà H và bà Ph không có giấy tờ, ông M không biết về khoản vay này. Bà Ph còn thừa nhận với số tiền 30,000,000 đồng vào năm 2007 là một khoản tiền lớn. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà H chỉ khai chung chung về mục đích chi tiêu cho khoản vay này là "vay để lo cho gia đình" mà không đưa ra được chứng cứ nào rõ ràng, cụ thể để chứng minh đây là tiền bà vay để chi tiêu, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình nên không có cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Phần giá trị tài sản chung của vợ cH mà ông Hồ Văn M được chia tương ứng với số tiền 350,000,000 : 2 = 175,000,000 đồng nên ông Mphải chịu án phí dân sơ thẩm là 8,750,000 đồng nhưng tính đến thời điểm xét xử ông Mđã trên 60 tuổi là thuộc trường hợp "người cao tuổi" theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Phần giá trị tài sản chung của vợ cH mà bà Lê Thị H được chia tương ứng với số tiền 350,000,000 : 2 = 175,000,000 đồng nên bà H phải chịu án phí dân sơ thẩm là 8,750,000 đồng.

Yêu cầu về khoản nợ 30,000,000 của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí 1,500,000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 2 Điều 37; Điều 95; Điều 97; Điều 98 luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 5 Điều 177, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn M về chia tài sản chung của vợ cH khi ly hôn.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H về chia tài sản chung của vợ cH theo công sức đóng góp của mỗi bên và có tính đến công sức đóng góp của các con.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị H về chia đôi khoản nợ vay của bà Nguyễn Thị Ph.

3.Giao cho ông Hồ Văn M sở hữu ½ diện tích nhà và quyền sử dụng 70 m^2 đất ở tại thửa đất 839 tờ bản đồ số 04 có diện tích 140 m^2 được UBND huyện Hưng Nguyên cấp ngày 26 tháng 9 năm 2000 tại phía Bắc khu đất, xóm 7, xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghê An.

Tạm giao cho ông Hồ Văn M sở hữu ½ phần diện tích cơi nới tại phía Bắc khu đất quyền sử dụng 50,13 m^2 đất tại xóm 7, xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghê An.

4. Giao cho bà Lê Thị H sở hữu ½ diện tích nhà và quyền sử dụng 70 m^2 đất ở tại thửa đất 839 tờ bản đồ số 04 có diện tích 140 m^2 được UBND huyện Hưng Nguyên cấp ngày 26 tháng 9 năm 2000 tại phía Nam khu đất, xóm 7, xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghê An.

Tạm giao cho bà Lê Thị H sở hữu ½ phần diện tích cơi nới quyền sử dụng 50,13 m^2 tại phía Nam khu đất, xóm 7, xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghê An.

(Đặc điểm chi tiết chia nhà và đất có sơ đồ kèm theo)

Các bên đương sự tự chịu chi phí sữa chữa, cải tạo sau khi chia nhà và đất.

5. Buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Ph có địa chỉ cư trú tại: số 48, ngõ 122, đường Nguyễn Sinh Sắc, khối 11, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An số tiền 30,000,000 đồng.

6. Đối với yêu cầu của bà Lê Thị H về tính công sức đóng góp của các con là Hồ Văn T, Hồ Thị N, Hồ Thị T vào khối tài sản chung của hai vợ cH nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bị đơn là bà Lê Thị H về nợ đối với công ty xuất nhập khẩu Quang Vinh với số tiền là 300,000,000 đồng.

8. *Về án phí:* Bà Lê Thị H phải chịu án phí chia tài sản chung của vợ cH là 8,750,000 đồng và án phí về nợ là 1,500,000 đồng.

9. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phan Hương

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo và tống đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự. Tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tiến hành hòa giải để hai bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành do hai bên không thống nhất được với nhau về các khoản nợ và chia tài sản chung của vợ cH. Vì vậy, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự vào ngày 22

tháng 12 năm 2017. Nhưng phải hoãn phiên tòa vì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất không có lý do chính đáng.

Ngày 12 tháng 01 năm 2017 Tòa án mở phiên Tòa lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt mà không có Người đại diện tham gia phiên Tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng theo quy định theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố nêu trên và khai thêm: Về công sức đóng góp của các con, đến nay các con chung không hợp tác nên bà cũng không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa. Bà liệt kê thêm các tài sản là vật dụng trong gia đình như xong nồi, bàn nghế, thùng phi đựng lúa do hai vợ cH mua sắm, 01 m^3 gỗ là của ông Ngoại cho khi làm nhà…là bà khai để cho ông Mvà anh em ông Mbiết nhưng bà không yêu cầu Tòa giải quyết. Bà bổ sung thêm lời khai về khoản tiền mua đất năm 1997 là mua bằng tiền của ông Ngoại cho riêng bà 10,000,000 đồng khi ông sắp mất tại nhà riêng có bà Ph chứng kiến để gửi tiết kiệm lấy lãi nuôi con sau khi mua đất bà dùng khoản tiền này để mua chứ không phải mua bằng tiền tích góp được của hai vợ cH như các lời khai trước đây.

Ông Mvà bà H thêm: Khi hai bên chia đôi căn nhà thì bức tường ngăn giữa ngôi nhà chính sẽ phải phá bỏ để xây lại. Như vậy, sẽ ảnh hưởng đến kết cấu ngôi nhà một phần. Ông Mkhai ông đã bỏ kinh phí để ngăn đôi giữa sân và bếp nên kinh phí bức ngăn nhà chính bà H phải có trách nhiệm. Bà H không đồng ý mà chấp nhận chia đôi khoản kinh phí để làm vách ngăn này cho hai bên.

N¬i **nhËn:**

tm. héi ®ång xÐt xö s¬ thÈm

- TAND tØnh NghÖ An

ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phi¸n toµ

- VKSND huyÖn H-ng Nguy¸n

- §-¬ng sù, hs.

héi ®ång xÐt xö s¬ thÈm

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Từ Thị Dung – Cao Thị Ph **Nguyễn Thị Phan Hương**